

BÁO CÁO

Thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN KHU VỰC BIÊN GIỚI

1. Về hành chính

Tỉnh Cao Bằng có 07 huyện, 40 xã biên giới với chiều dài biên giới giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc dài 333,403km; có 90.964 hộ dân với 364.376 người là dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô, Mường, Thái, Xơ Đăng, Khơ Mú, Hoa.

2. Về đặc điểm tự nhiên

Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên 670.039ha, bằng 2,12% diện tích tự nhiên toàn quốc, đất nông nghiệp chiếm hơn 9%, đất lâm nghiệp, núi đá, sông suối chiếm hơn 90%; địa hình phức tạp với 3 vùng rõ rệt là vùng núi đất, vùng núi đá và vùng địa hình trũng, độ cao trung bình so với mặt nước biển trên 300m, thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, đỉnh cao nhất là ngọn núi Phia Dạ thuộc huyện Bảo Lạc có độ cao 1.987m. Có 10 nhóm đất chính, trong đó nhóm đất đỏ vàng chiếm khoảng 60% tổng diện tích tự nhiên, thích hợp với sản xuất nông nghiệp, những vùng núi trung bình, núi thấp phù hợp cho phát triển sản xuất lâm nghiệp hoặc sản xuất nông - lâm kết hợp. Là vùng thượng nguồn của hai hệ thống sông Hồng và sông Tả Giang (Trung Quốc), trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.200 sông, suối lớn nhỏ có chiều dài từ 2km trở lên, với tổng chiều dài khoảng 3.175km, mật độ sông, suối khá dày khoảng 0,47km/km². Khí hậu mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa, với 2 mùa rõ rệt, mùa mưa, khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều (từ tháng 4 đến tháng 10), mùa khô, lạnh, mưa ít (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau).

3. Tình hình kinh tế - xã hội

3.1. Phân loại xã theo trình độ phát triển

- Giai đoạn 2016 - 2020, Tỉnh có 13 huyện, thành phố, 199 xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã). Trong đó, có 11 xã khu vực I, 49 xã khu vực II, 139 xã khu vực III.

- Giai đoạn 2021 - 2025, Tỉnh có 10 huyện, thành phố (trong đó có 07 huyện nghèo), 161 xã, phường, thị trấn. Trong đó, có 33 xã khu vực I, 04 xã khu vực II, 124 xã khu vực III. Có 17/139 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 05 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới.

3.2. Thu nhập bình quân đầu người của cả tỉnh Cao Bằng năm 2021 là 37

triệu đồng/người/năm.

3.3. Số lượng, tỷ lệ lao động được đào tạo, có việc làm

Từ năm 2016 đến năm 2021, tỉnh Cao Bằng tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề được 35.280 người; trong đó, đào tạo nghề cho 18.000 người thuộc các huyện biên giới; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 36% (năm 2016) lên 46,6% (năm 2021). Sau khi học nghề có 80% có việc làm, tự tạo việc làm.

3.4. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo

- Tỷ lệ hộ nghèo: Đầu năm 2016 (theo tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020) tỷ lệ hộ nghèo các huyện biên giới là 34% so với tổng số hộ của toàn tỉnh (tương ứng 80% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh). Cuối năm 2021 đầu năm 2022 (theo tiêu chí giai đoạn 2022 - 2025), tỷ lệ hộ nghèo các huyện biên giới là 27% so với tổng số hộ của toàn tỉnh (tương ứng 81% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh).

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: Đầu năm 2016 (theo tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020) tỷ lệ hộ cận nghèo các huyện biên giới là 7% so với tổng số hộ của toàn tỉnh (tương ứng 74% so với tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh). Cuối năm 2021 đầu năm 2022 (theo tiêu chí giai đoạn 2022 - 2025) tỷ lệ hộ cận nghèo các huyện biên giới là 11% so với tổng số hộ của toàn tỉnh (tương ứng 81% so với tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh).

- Tình hình lao động đi làm việc ở nước: Từ năm 2016 đến năm 2021, số lao động được tuyển chọn và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 393 lao động đi làm việc tại các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Ả rập xê út, Nga, singapo, Iseren, Rumania.

3.5. Về cơ sở hạ tầng

- **Đường giao thông:** Giao thông trên địa bàn tỉnh chỉ có đường bộ, tổng chiều dài 6.763,26km. Trong đó, có 06 tuyến quốc lộ, tổng chiều dài 714,36km; có 29 tuyến đường tỉnh, tổng chiều dài 1.046,7km; các tuyến đường huyện, tổng chiều dài 1.494,6km; đường xã, thôn xóm, trục chính nội đồng, tổng chiều dài 3.507,6km. Đến năm 2020, tỷ lệ nhựa hoá/bê tông hoá đối với tuyến đường huyện là 76%, đối với đường trục xã, thôn, xóm là 74%, đường nội đồng là 55%; quy mô kỹ thuật của các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ chủ yếu là cấp IV, cấp V miền núi.

- **Điện:** Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 21 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ (một số nhà máy thủy điện nhỏ vẫn đang vận hành nhưng không hòa vào lưới điện quốc gia mà bán điện trực tiếp đến các hộ tiêu thụ như nhà máy thủy điện Na Han, Bản Pát, Tà Sa, Nà Ngàn). Hệ thống lưới điện tỉnh Cao Bằng có liên kết chặt chẽ với hệ thống điện miền Bắc thông qua lưới điện tỉnh Lạng Sơn và Bắc Kạn có thể huy động hỗ trợ cấp điện cho các tỉnh lân cận và có thể huy động nguồn cấp từ lưới điện khu vực cấp cho tỉnh khi cần thiết. Hiện tại, công suất các nguồn trạm 220KV cấp điện cho tỉnh Cao Bằng đủ đáp ứng nhu cầu phụ tải của tỉnh, cả trong trường hợp không huy động nguồn từ các tỉnh lân cận và trong trường hợp sự cố. Đến hết năm 2020, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp của tỉnh Cao Bằng là 93,45%.

- Trường học:

Năm học 2015 - 2016, toàn tỉnh có 655 trường mầm non và phổ thông (gồm 190 trường mầm non, 245 trường tiểu học, 190 trường THCS, 30 trường THPT); có 14 trung tâm giáo dục thường xuyên, 01 Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp, 01 Trung tâm Giáo dục Hòa nhập Trẻ khuyết tật.

Năm học 2020 - 2021, thực hiện sắp xếp lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, toàn tỉnh có 525 trường mầm non và phổ thông (gồm 182 trường mầm non, 130 trường tiểu học, 85 trường tiểu học và THCS, 98 trường THCS, 6 trường THCS và THPT, 24 trường THPT; giảm 130 trường so với năm học 2015 - 2016).

- **Trạm y tế:** Địa bàn khu vực biên giới có 40 trạm y tế xã với tổng số nhân lực làm việc 187 người, trung bình 4 - 5 người/1 trạm y tế; trong đó có 28 bác sĩ, 91 y sĩ, 30 điều dưỡng, 36 hộ sinh, 01 kỹ thuật y, 01 dược.

- **Thủy lợi:** Trên địa bàn tỉnh có 3.655 hệ thống công trình thủy lợi, phần lớn là công trình quy mô vừa và nhỏ. Trong đó, có 23 hồ chứa thủy lợi (dung tích từ 0,1 đến 3,71 triệu m³), 76 trạm bơm điện và trạm bơm thủy luân, còn lại 3.556 công trình là kênh mương, đập dâng, phai tạm; tổng chiều dài kênh mương là 4.416,18km, trong đó kênh được kiên cố hóa 2.530,87km, kênh đất 1.885,31km. Phần lớn các công trình đã được đầu tư, xây dựng từ nhiều năm trước, qua nhiều năm khai thác hệ thống kênh mương xuống cấp nghiêm trọng; công trình đập, hồ chứa thủy lợi bị thấm qua thân đập đất, mái thượng, hạ lưu xói lở, hệ thống thoát nước hoạt động kém hiệu quả, lòng hồ bồi lắng lớn làm giảm dung tích trữ nước.

- **Nước sinh hoạt hợp vệ sinh:** Toàn tỉnh có 955 công trình cấp nước tập trung nông thôn (trong đó có 769 công trình thuộc các huyện biên giới), trên 90% dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh. Hiện nay, đang tập trung thi công xây dựng hoàn thành 19 công trình cấp nước sinh hoạt với 5.113 đầu nổi và đang chuẩn bị đầu tư các công trình tiếp theo thuộc Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn” từ nguồn vốn Ngân hàng Thế giới (WB). Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, suất đầu tư cho một hộ gia đình lớn, khả năng thu hồi, bảo toàn vốn thấp, nên không thu hút được các nhà đầu tư, xã hội hóa; phần lớn công trình do Nhà nước thực hiện. Nhiều công trình cấp nước nông thôn chưa có tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, sửa chữa.

3.6. Về giáo dục: Trong những năm qua, tỉnh Cao Bằng luôn quan tâm phát triển giáo dục và đào tạo, huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại; tích cực đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá; chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng tinh giản, cập nhật, bổ sung những thông tin mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; thực hiện các giải pháp góp phần nâng cao giáo dục toàn diện, tăng cường phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, chất lượng giáo dục các cấp học, bậc học tiếp tục được nâng lên. Đến năm 2021, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường bậc PTTH là 57,06%, bậc THCS là 95,14%, bậc tiểu học là 99,96%. Các năm tỉnh đều đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1; đến năm 2021, tỷ lệ

mù chữ của tỉnh là 10,56%.

3.7. Về y tế

Quan tâm, tập trung chỉ đạo, chủ động đôn đốc, tổ chức thực hiện, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm ở người và các bệnh dịch có thể xảy ra trong dịp giao mùa, đặc biệt là vùng biên giới, khó khăn. Trong giai đoạn 2016 - 2021, tại các xã thuộc địa bàn khu vực biên giới không ghi nhận các dịch bệnh mới nổi, dịch bệnh nguy hiểm tại địa phương như Cúm A (H7N9), cúm A (H5N1), bệnh do vi rút Zika, Sốt xuất huyết, Viêm màng não do não mô cầu, MERS-CoV...

Tình hình các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm xảy ra tại địa bàn khu vực các xã biên giới giai đoạn 2016 - 2021 như sau:

- Tình hình bệnh Sốt rét: Tình hình Sốt rét trên địa bàn các xã khu vực biên giới ổn định, không có dịch sốt rét xảy ra, không có tử vong do Sốt rét. Số ca mắc Sốt rét/người Sốt rét thống kê trong giai đoạn 2016 - 2021 là 426 ca.

- Tình hình bệnh Phong: Số bệnh nhân Phong trên địa bàn các xã khu vực biên giới thống kê trong giai đoạn 2016 - 2021 là 27 ca.

- Tình hình bệnh Lao: Hoạt động phòng chống Lao được củng cố và duy trì tại tuyến huyện và xã khu vực biên giới. Triển khai các hoạt động phát hiện chủ động, tăng cường chẩn đoán sớm và quản lý chặt chẽ bệnh nhân Lao, Lao kháng thuốc, bảo đảm chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công, giảm tỷ lệ lây nhiễm trong cộng đồng. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông về phòng chống bệnh Lao tại các xã khu vực biên giới. Thống kê trong giai đoạn 2016 - 2021, số ca mắc Lao tại xã khu vực biên giới là 220 ca.

- Tình hình bệnh HIV/AIDS: Thống kê trong giai đoạn 2016 - 2021, số ca mắc HIV/AIDS tại các xã khu vực biên giới là 268 ca.

- Tình hình bệnh cúm: Tổng số ca mắc tại các xã khu vực biên giới cả giai đoạn 2016 - 2021 là 12.899 ca.

- Ngoài ra còn có các bệnh truyền nhiễm khác như Quai bị 370 ca; thủy đậu 372 ca; Hội chứng lỵ 285 ca; ca nghi sởi 209; Viêm gan 77 ca; Hội chứng Tay-Chân-Miệng 179 ca; Tiêu chảy 7.253 ca; bệnh Adenovirut (APC) 760 ca.

- Tình hình dịch bệnh Covid - 19 và công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19, năm 2020 - 2021 tại các xã khu vực biên giới: Từ ngày 05/11/2021, dịch bệnh Covid - 19 xảy ra trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các xã khu vực biên giới; tổng số người mắc COVID - 19 tại các xã khu vực biên giới năm 2022 là 178 người, 01 trường hợp tử vong. Tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt công tác phòng chống dịch Covid - 19 và tổ chức các điểm tiêm chủng tại Trạm y tế các xã, hoặc điểm tiêm lưu động bằng xe tiêm cho người dân thuộc khu vực biên giới theo số lượng vắc xin được phân bổ đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Năm 2016, toàn tỉnh có 511.599 người tham gia BHYT, tỷ lệ bao phủ là 97,59%; có 448.398 lượt người khám chữa bệnh BHYT, chi phí KCB được quỹ BHYT thanh toán là 108,6 tỷ đồng. Năm 2021, toàn tỉnh có 508.591 người tham

gia BHYT, tỷ lệ bao phủ là 94,5%; có 292.159 lượt người khám chữa bệnh BHYT, chi phí KCB được quỹ BHYT thanh toán là 92,3 tỷ đồng.

3.8. Về văn hóa thông tin

- Tổng số thôn (bản) chưa được phủ sóng điện thoại là 36 thôn.
- Tổng số thôn (bản) chưa có Internet cáp quang là 297 thôn.
- Tỷ lệ xã, thôn được phủ sóng phát thanh, truyền hình 100%.
- Tỷ lệ người dân được nghe phát thanh là 98%, xem truyền hình 95%.
- Tỷ lệ nhà văn hóa xóm, tổ, dân phố năm 2016 là 70,6%. Sau khi sáp nhập, đổi tên xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, hệ thống nhà văn hóa xóm, tổ dân phố toàn tỉnh năm 2019 có 1.968 nhà văn hóa/2.487 xóm, tổ dân phố, tương ứng 79%; năm 2020, tiến hành sáp nhập các xóm, tổ dân phố, do vậy số nhà văn hóa nhiều hơn số xóm, tổ dân phố, cụ thể có 1.968 nhà văn hóa/1.462 xóm, tổ dân phố.

3.9. Về tín ngưỡng, tôn giáo

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 tôn giáo chính được công nhận gồm Đạo Công giáo (Thiên chúa giáo), Phật giáo, Tin Lành với khoảng 22.937 tín đồ (*trong đó, Tin Lành 19.912 tín đồ, Công giáo 1.943 Tín đồ, Phật giáo 1.082 tín đồ*); có 09 cơ sở thờ tự (*Công giáo 04, Phật giáo 05*). Tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, đa số chức sắc, chức việc, tín đồ tin tưởng vào chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 trong cơ sở tôn giáo, điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Các tổ chức tôn giáo tích cực vận động chức sắc, tín đồ tham gia công tác từ thiện nhân đạo góp phần cùng chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Chính quyền các cấp quan tâm hướng dẫn, giải quyết nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo được hoạt động theo đúng Hiến chương, Điều lệ và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật; từ năm 2016 đến năm 2021 có 21 vụ truyền đạo trái pháp luật diễn ra trên địa bàn tỉnh, xảy ra chủ yếu tại vùng sâu, vùng xa của huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc tập trung vào đồng bào dân tộc Mông, Dao có hoàn cảnh khó khăn, trình độ dân trí thấp.

3.10. Về tình hình an ninh, trật tự

- Hoạt động buôn lậu qua biên giới: Qua thực tế đấu tranh cho thấy, hoạt động buôn lậu qua biên giới trên địa bàn tỉnh diễn ra nhỏ lẻ, không xuất hiện các vụ việc phức tạp, nổi cộm, giai đoạn 2016 - 2021 Công an Cao Bằng đã phát hiện, đấu tranh với 71 vụ buôn lậu tại địa bàn các huyện biên giới.

- Buôn bán, vận chuyển ma túy: Những năm qua Cao Bằng được nhận định là một trong những địa bàn trung chuyển của nhiều đường dây buôn bán, vận chuyển ma túy lớn, có tính chất liên tỉnh, xuyên quốc gia. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các lực lượng chức năng, nòng cốt là lực lượng Công an đã tấn công mạnh mẽ, quyết liệt với tội phạm ma túy. Giai đoạn 2016 - 2021 Công an Cao Bằng đã phát hiện đấu tranh với 302 vụ buôn bán, vận chuyển ma túy tại địa bàn các huyện biên giới.

- Trong những năm gần đây, nhu cầu tìm kiếm việc làm tại Trung Quốc rất lớn nên tình trạng xuất nhập cảnh trái phép tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng diễn biến phức tạp. Một số đối tượng thông thạo địa hình, có mối quan hệ với các đối tượng người Trung Quốc đã lợi dụng tình hình trên để tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới. Trong giai đoạn 2016 - 2021, Công an Cao Bằng đã phát hiện và xử lý 101 vụ đưa người trái phép qua biên giới (*08 vụ tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài; 93 vụ tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*).

3.11. Quan hệ dân tộc hai bên biên giới

Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 6.317 trường hợp đi công tác, học tập, lao động, sinh sống ở nước ngoài (*chủ yếu là số phụ nữ sang Trung Quốc lấy chồng 5.147 trường hợp*). Trong giai đoạn 2016 - 2021 phát hiện 3.605 lượt thăm thân qua biên giới, chủ yếu là số phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc về thăm thân trong dịp Tết Nguyên đán và lễ Thanh minh hằng năm; phát hiện 306 người kết hôn qua biên giới. Khi có trường hợp về thăm thân, du lịch, Công an tỉnh Cao Bằng đã chủ động gặp gỡ, tiếp xúc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các trường hợp để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền có các chính sách phù hợp thu hút số Việt kiều về nước đầu tư, thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Đa số người Việt Nam ở nước ngoài có cuộc sống kinh tế cơ bản ổn định, một số đã nhập quốc tịch nước ngoài, quá trình sinh sống luôn chấp hành tốt các quy định của nước sở tại, phát huy tốt vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài, luôn hướng về quê nguồn, có tình cảm với quê hương, đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê và số công dân Việt Nam đang sinh sống tại Trung Quốc không tìm được việc làm, muốn trở về Việt Nam qua các đường mòn biên giới.

Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa địa phương hai Bên: Cao Bằng (Việt Nam) - Quảng Tây (Trung Quốc) luôn được duy trì và củng cố, các hoạt động giao lưu, trao đổi giữa các cấp, đặc biệt là giữa các huyện biên giới hai Bên; các xóm, bản biên giới của hai Bên đã thiết lập cơ chế liên lạc gặp gỡ, nhiều địa phương đã tổ chức ký kết nghĩa hữu nghị xóm/bản biên giới 12 cặp, thị trấn/trấn 01 cặp, cấp huyện/thành phố 04 cặp.

Các hoạt động đối ngoại, giao lưu hữu nghị nhân dân giữa hai Bên được duy trì triển khai dưới nhiều hình thức như cử các đoàn đại biểu sang thăm lẫn nhau, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể thao và tham dự các hoạt động nhân dịp lễ tết của hai Bên; lực lượng chức năng hai Bên thường xuyên duy trì tốt mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác trong công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giải quyết ổn thỏa các vấn đề nảy sinh trên biên giới theo 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và các thỏa thuận có liên quan, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát đến nay, các hoạt động đối ngoại các cấp giữa Cao Bằng với Quảng Tây đã được triển khai theo các hình thức linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế như hội đàm trực tuyến, hội đàm thực địa tại khu vực

biên giới đảm bảo khoảng cách an toàn phòng chống dịch Covid-19, đồng thời kịp thời trao đổi, giải quyết những khó khăn trong quá trình hợp tác.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình quán triệt, triển khai các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành ở địa phương

Ngay sau khi nhận được các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố quán triệt, triển khai, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành về các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chỉ đạo lồng ghép các nội dung, mục tiêu của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021 vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Ban hành các văn bản của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện, xã biên giới

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới, nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh của quốc gia; là khu vực vùng sâu, vùng xa, giao thông, đi lại khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cũng như trình độ dân trí còn thấp; là địa bàn mà các thế lực thù địch, phản động luôn tìm cách đẩy mạnh hoạt động lôi kéo, kích động đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia chống phá Đảng và Nhà nước ta; hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái pháp luật và các loại tội phạm diễn biến phức tạp, tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Trước tình hình đó, tỉnh Cao Bằng đã ban hành các chủ trương, chính sách để xây dựng, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới (*danh mục một số văn bản tại Phụ lục 1 kèm theo*).

3. Về công tác chỉ đạo điều hành, phân công cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện của địa phương

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, trọng tâm là UBND các huyện biên giới, duy trì quan hệ công tác thường xuyên, trao đổi, cung cấp thông tin khá thuận lợi, kịp thời và tương đối đầy đủ, chính xác, phục vụ khá tốt hoạt động quản lý, điều hành của tỉnh và của từng ngành, từng cấp; tích cực phối hợp trong tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách, giải pháp và công việc cụ thể để tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới giai đoạn 2016 - 2021; phân công cụ thể đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Công tác điều tra khảo sát, xây dựng, thẩm định và phê duyệt chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh

khuvựcbiên giới giai đoạn 2016 - 2021

Tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát, xây dựng, thẩm định và phê duyệt chương trình, dự án đúng quy trình, quy định; đảm bảo huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng để vừa phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo quốc phòng - an ninh; các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình,... phát triển của các ngành, các địa phương luôn chú trọng gắn với quy hoạch, kế hoạch về quốc phòng - an ninh, coi đó là tiền đề quan trọng, đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện của địa phương

Tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới; quan tâm làm tốt công tác định canh, định cư, ổn định dân cư khu vực biên giới, bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo mọi điều kiện để nhân dân khu vực biên giới nói riêng và nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung yên tâm sinh sống, lao động sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện chính sách

1.1. Về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tỉnh Cao Bằng đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập 06 huyện (*Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Thông Nông, Hà Quảng, Phục Hòa, Quảng Uyên*) để thành lập 03 huyện mới; sắp xếp đối với 76 xã, thị trấn để thành lập 38 ĐVHC cấp xã mới và đổi tên 01 ĐVHC cấp xã (*thị trấn Hùng Quốc*) theo 02 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau khi sắp xếp, tỉnh Cao Bằng có 10 ĐVHC cấp huyện và 161 ĐVHC cấp xã (*139 xã, 08 phường, 14 thị trấn*), giảm 03 huyện và 38 xã. Các ĐVHC cấp huyện, cấp xã mới thành lập đã nhanh chóng hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đi vào hoạt động đảm bảo thời gian quy định theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với các xã biên giới, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành sắp xếp đối với 19 xã biên giới để thành lập 10 ĐVHC cấp xã có đường biên giới trên đất liền¹.

Sau khi thực hiện sắp xếp, tỉnh Cao Bằng có 10 ĐVHC cấp huyện đều không đạt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính².

¹ Gồm: xã Cải Viên, xã Lũng Nặm, xã Trường Hà (huyện Hà Quảng); xã Khâm Thành, xã Lăng Hiếu, xã Quang Hán (huyện Trùng Khánh); xã Thông Nhất (huyện Hạ Lang); xã Bé Văn Đàn, xã Cách Linh, thị trấn Hòa Thuận (huyện Quảng Hòa).

² - Cấp huyện có 02 huyện đạt 01 tiêu chuẩn; 05 huyện có 02 tiêu chuẩn đạt trên 50%; 02 huyện, 01 thành phố có 01 tiêu chuẩn đạt trên 50%.

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đã được thực hiện nghiêm túc tại tỉnh Cao Bằng, 100% ĐVHC cấp huyện, cấp xã có cả 2 tiêu chí dưới 50% đã được sắp xếp lại. Nhờ có chủ trương, chính sách nhất quán từ Trung ương, sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, việc sáp nhập đã tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương, phương án sáp nhập các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2019 – 2021. Các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp cơ bản có nhiều nét tương đồng về các yếu tố đặc thù, điều kiện tự nhiên, truyền thống, văn hóa, dân tộc, lối sống cộng đồng dân cư hoặc do lịch sử đã được tách ra từ một ĐVHC nên có nhiều điều kiện thuận lợi khi tổ chức thực hiện Nghị quyết về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

1.2. Về xây dựng khu kinh tế - quốc phòng theo Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009; Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng

- Về xây dựng khu kinh tế - quốc phòng theo Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 799 (Quân khu I) được thành lập tháng 11/2001, đóng quân tại vùng biên giới miền Tây, tỉnh Cao Bằng. Từ khi thành lập đến nay, Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 799 hoạt động có hiệu quả trên địa bàn các huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng và thực hiện tốt nhiệm vụ làm công tác dân vận, thực hiện các dự án phát triển vùng biên (làm đường, trường, trạm, trồng rừng, giãn dân lên vành đai biên giới, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào...). Từ những dự án của Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 799, đời sống bà con vùng biên giới dần khởi sắc; bệnh xá quân dân y chăm sóc sức khỏe miễn phí cho bà con nghèo; nhiều tuyến đường giao thông, kênh mương thủy lợi được đầu tư xây dựng; một số điểm trường, nhà văn hóa được làm mới... Qua đó, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giúp người dân định cư lâu dài nơi vùng cao biên giới.

- Về Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ

UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy hoạch, đề án, phát triển KT - XH ở địa phương thực hiện đúng quy trình lấy ý kiến, thẩm định của các đơn vị liên quan; các quy hoạch đều gắn giữa phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực với quy hoạch xây dựng thể trận khu vực phòng thủ và yêu cầu củng

- *Cấp xã:*

+ *Số ĐVHC đạt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số: 12 ĐVHC, chiếm 7,5%*

+ *Số ĐVHC cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định: 149 ĐVHC, chiếm 92,5%. Trong đó: Số ĐVHC chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số nhưng có cả 02 tiêu chuẩn đều đạt từ 50% trở lên theo quy định: 77 ĐVHC. Số ĐVHC có 01 tiêu chuẩn đạt từ 50% trở lên, tiêu chuẩn còn lại chưa đạt 50% theo quy định: 72 ĐVHC.*

cố quốc phòng - an ninh; xây dựng tiềm lực về kinh tế gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững chắc³.

Giai đoạn 2016 - 2021, UBND tỉnh đã bảo đảm kinh phí cho công tác quốc phòng, an ninh trên 1.410 tỷ đồng⁴. Hoàn chỉnh 01 đường hầm Sở Chỉ huy trong căn cứ chiến đấu tỉnh, tổng kinh phí trên 37 tỷ đồng; đầu tư xây dựng được 01 thao trường tổng hợp, 01 trường bắn thao trường huấn luyện cấp tỉnh; 03 đường hầm huyện, thành phố; 28 hang cải tạo; 01 chốt chiến đấu, 12 nhà ở dân quân; 22 trận địa SMPK 12,7mm; 02 trận địa pháo PK 37mm; 05 đường cơ động vào khu CCCĐ; 01 đài quan sát; 01 hào cơ động. Hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện đến năm 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở để các cơ quan chức năng của Quân khu, Bộ và địa phương từng bước đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện của LLVT tỉnh.

Bộ Quốc phòng đầu tư trên 30 tỷ đồng xây dựng hoàn chỉnh cụm điểm tựa phòng ngự tại Cao Chương/Trùng Khánh.

1.3. Về sắp xếp ổn định dân cư, quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến năm 2020

Thực hiện Quyết định số 570/2012/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung giai đoạn 2012 - 2017; Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành văn bản triển khai thực hiện như Kế hoạch số 2787/KH-UBND ngày 15/10/2012 về bố trí ổn định dân cư các xã biên giới năm 2013 và giai đoạn 2013 - 2015; Hướng dẫn số 90/HD-UBND ngày 15/01/2013 về thực hiện Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 3596/HD-UBND ngày 06/12/2013 về thực hiện một số chính sách hỗ trợ hộ gia đình thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg

³ Một số dự án, đề án trong giai đoạn 2016-2021: 14 chương trình phát triển đô thị của tỉnh và các huyện, thành phố; Có 12 dự án FDI, 07 dự án lĩnh vực trồng trọt, 15 dự án chăn nuôi, 08 dự án lâm nghiệp; 10 dự án thủy điện (thủy điện Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 3a, Thân Giáp, Hòa Thuận, Mông Ân); Dự án đường phía Nam thành phố Cao Bằng; Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn)-Trà Lĩnh (Cao Bằng); các dự án Công ty cổ phần Tập đoàn Sungroup, Tập đoàn FLC, TH true milk, Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả; Đề án phát triển du lịch Cao Bằng giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Đề án các tuyến đường giao thông kết nối các khu du lịch, các điểm du lịch, cải tạo nâng cấp đường giao thông tỉnh; Đề án khu hợp tác bảo vệ khai thác tài nguyên du lịch thác Ban Giốc (Đức Thiên); Đề án tổng thể phát triển khu kinh tế cửa khẩu tỉnh; Đề án phát triển kinh tế rừng với trồng rừng và bảo vệ môi trường giai đoạn 2017-2020.

⁴ Trong đó: năm 2016 = 154.555 tỷ đồng, trong đó kinh phí diễn tập KVPT = 12,947 tỷ đồng; năm 2017 = 161,670 tỷ đồng; năm 2018 = 186,265 tỷ đồng; năm 2019 = 208,047 tỷ đồng; năm 2020 = 228,704 tỷ đồng; năm 2021 = 272,761 tỷ đồng, trong đó kinh phí diễn tập KVPT = 33,4 tỷ đồng; năm 2022 = 198,404 tỷ đồng.

ngày 21/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 phê duyệt Dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025 tỉnh Cao Bằng.

Kết quả thực hiện như sau:

- Đối với bố trí ổn định dân cư biên giới xen ghép:

Giai đoạn 2016 - 2021, đã hỗ trợ 123 hộ xen ghép (*huyện Quảng hòa 16 hộ, huyện Hà Quảng 41 hộ, huyện Bảo Lạc 51 hộ, huyện Trùng Khánh 15 hộ*). Các hộ thực hiện di dời xen ghép vào các thôn, bản biên giới đều có đất, có điều kiện sản xuất, phát triển kinh tế thuận lợi hơn, hầu hết các hộ dân đều có cuộc sống ổn định.

- Đối với Dự án Bố trí ổn định dân cư biên giới

UBND tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025 tỉnh Cao Bằng, trong đó có danh mục 20 dự án di dân ra biên giới (*bao gồm cả 7 dự án trong danh mục Kế hoạch số 2787/KH-UBND ngày 15/10/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng nhưng chưa được bố trí vốn trong giai đoạn trước*). Riêng giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện 05 dự án, trong đó 03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 và 02 dự án khởi công mới.

Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 như sau

(1) Dự án bố trí ổn định dân cư biên giới xóm Lũng Choang, xã Lãng Yên, huyện Trùng Khánh (*UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 11/06/2008 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 06/10/2015*). Dự án hoàn thành năm 2016, đã bố trí 11 hộ dân vào sinh sống, UBND huyện đã giao cho mỗi hộ 400m² đất ở và 3.000m² đất rẫy, song mới có 01 hộ di chuyển cả gia đình vào sinh sống, 05 hộ khác chỉ có 2 vợ chồng thường xuyên sinh sống, chăn nuôi, trồng trọt tại đây, còn 05 hộ chỉ làm điểm đi lại canh tác sản xuất và làm thuê tại khu vực biên giới; lý do các hộ gia đình không ở lại ổn định vì giao thông đi lại khó khăn (*cách xóm Ràng Rang gần 5km, cách trường học, UBND xã 7km*) nên vẫn gửi con em tại nơi ở cũ để tiện đi học. Điểm dân cư mới này không thành lập được xóm hành chính, nên tất cả các hộ vẫn sinh hoạt tại các xóm cũ thuộc địa bàn xã Lãng Yên (*nay là xã Lãng Hiếu*).

- (2) Dự án bố trí ổn định dân cư biên giới xóm Lũng Xuân, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng (*UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/10/2013*), với tổng vốn phê duyệt là 8.068,08 triệu đồng, quy mô 10 hộ gia đình; hiện nay, các hộ vào xóm Lũng Xuân sinh sống đều là những hộ có đất đai tại đó, bình quân mỗi hộ 01ha đất rẫy, hiện nay các hộ trồng Gừng trâu, Ót thương phẩm có liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu nên có thu nhập tương đối ổn định.

- (3) Dự án bố trí ổn định dân cư biên giới xóm Khuổi Luông, thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh (*UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày*

15/01/2008 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 10/5/2010), với tổng mức đầu tư là 16.764 triệu đồng, quy mô 20 hộ gia đình; dự án hoàn thành năm 2017; hiện nay, vẫn chưa bố trí các hộ dân vào sinh sống, do thiếu nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ di chuyển; nguyên nhân, do khi giao vốn thực hiện dự án, năm 2013 Trung ương giao cùng lúc cả 2 nguồn vốn (*nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp để hỗ trợ di chuyển cho người dân vào vùng dự án*), tuy nhiên năm 2013 chưa xây dựng xong cơ sở hạ tầng nên không thể tiến hành đưa dân vào sinh sống được, sau đó nguồn vốn sự nghiệp quá hạn kế hoạch và Trung ương đã thu hồi. Trong cuối năm 2021 UBND tỉnh đã giao vốn từ nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ cho các hộ dân di chuyển vào vùng dự án, hiện đang tổ chức thực hiện.

Dự án khởi công mới

- (1) Dự án Ổn định dân cư biên giới xóm Lũng Mần và cụm dân cư Lũng Pịa, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (*UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 22/9/2016*), đến năm 2022 được bố trí 45.000 triệu đồng. Hiện nay, huyện Bảo Lâm đang triển khai thực hiện.

- (2) Dự án ổn định dân cư biên giới xóm Nà Trào, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa (*UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 31/03/2020*), trong năm 2020 - 2021, được bố trí 20 tỷ đồng, đến nay đã hoàn thành 100% khối lượng, ổn định cuộc sống cho 60 hộ dân trong vùng dự án.

1.4. Về chính sách thu hút cán bộ theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Giai đoạn năm 2016 - 2021, tỉnh Cao Bằng tuyển dụng được 1.198 công chức, viên chức và 230 công chức cấp xã trong đó phần lớn đã đến nhận công tác tại vùng điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Tỉnh đã thực hiện chi trả đầy đủ chế độ chính sách phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm, trợ cấp lần đầu, trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu..., góp phần tạo động lực thu hút đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác và cống hiến tại các vùng biên giới, đặc biệt khó khăn góp phần phát triển kinh tế, xã hội đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

1.5. Về chính sách liên quan khác (hạ tầng, phụ cấp khu vực, đào tạo việc làm, tín dụng....)

- Chế độ phụ cấp khu vực đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của liên tịch của Bộ trưởng các Bộ Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực và Công văn số 6822/BNV-TL ngày 31/12/2021 của Bộ Nội vụ về phụ cấp khu vực đối với 38 xã, thị trấn thuộc 08 huyện tỉnh Cao Bằng.

- Về thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Chương trình hỗ trợ hộ nghèo 167 giai đoạn 2*), đến nay tổng số nhà ở được hỗ trợ là 2.126 căn (*tương đương 56,6% so với lượng nhà ở đã được phê duyệt tại Đề án rà soát, điều chỉnh lần cuối cùng của tỉnh*). Các hộ gia đình được hỗ trợ xây mới nhà đều đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Về các chính sách dân tộc

Trong giai đoạn 2016 - 2020, các chính sách hỗ trợ đời sống, sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số như Chương trình 135; chính sách cấp không một số loại sách báo, tạp chí; Quyết định 755/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định 33/2007/QĐ-TTg về di dân thực hiện định canh định cư; chính sách hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định 102/QĐ-TTg; Quyết định 2085/QĐ-TTg về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định 2086/QĐ-TTg về Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg về chính sách đối với người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số... Với nguồn vốn hỗ trợ 1.493 tỷ đã đầu tư được 1.170 lượt công trình cơ sở hạ tầng nông thôn; thực hiện duy tu bảo dưỡng được 153 công trình; hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho 34.580 hộ nghèo, cận nghèo, gồm hỗ trợ mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; hỗ trợ giống gia súc, gia cầm và xây dựng chuồng trại, lò sấy; mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi; hỗ trợ phân bón các loại...; có 886.231 lượt nhân khẩu được hỗ trợ đời sống; 7.423 hộ nghèo được vay vốn ưu đãi để sản xuất và chuyển đổi ngành nghề; 4.340.049 tờ báo, tạp chí các loại cấp miễn phí cho các đối tượng; 7.396 hộ được cấp lu, bể chứa nước sinh hoạt hộ gia đình; 16.082 lượt công chức, nhóm cộng đồng, người có uy tín, được tập huấn nâng cao năng lực...

- Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Đến tháng 8/2022, Có 17 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, tương ứng 12,2% tổng số xã, trong đó có 05 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới. Có 11 xã đạt 15 - 18 tiêu chí (*trong đó có 05 xã biên giới*); 64 xã đạt 10 - 14 tiêu chí (*trong đó có 20 xã biên giới*); 47 xã đạt 7 - 9 tiêu chí (*trong đó có 07 xã biên giới*). Bình quân đạt 11,63 tiêu chí/xã (*các xã biên giới bình quân đạt 12,49 tiêu chí/xã*).

- Về thủy lợi, xây dựng kè chống xói lở bờ sông, suối biên giới

Giai đoạn 2016 - 2021, đã thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi như Cụm Thủy lợi xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc; xử lý cấp bách sự cố các công trình đập tràn hồ chứa nước Bản Viêt, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh; hồ Nà Tấu, xã Lê Lợi, huyện Thạch An; hồ Bản Nưa, xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng; xây dựng công trình thủy lợi Nà Xảo, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng; thủy lợi Nà Bú, thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng; hiện nay đang thực hiện thi công sửa chữa cấp ngách cống ngầm lấy nước và một số đoạn kênh xung yếu hồ Bản Viêt và các công trình thủy lợi nhỏ thuộc dự án VIE/036 - Thủy lợi

Cao Bằng sử dụng thông minh nguồn nước và nông nghiệp với tổng kinh phí 113,967 tỷ đồng.

- Về phát triển kinh tế cửa khẩu

Kinh tế cửa khẩu được tỉnh xác định là một trong ba trọng tâm phát triển kinh tế của tỉnh. Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, ngày 09/12/2019 UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 2237/QĐ-UBND phê duyệt Đề án tổng thể phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, đảm bảo phát triển khu kinh tế cửa khẩu theo hướng bền vững, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống cho cư dân biên giới và các vùng lân cận, bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới. Đến hết năm 2021, trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh có 69 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 9.851 tỷ đồng; có 09 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 851 tỷ đồng.

2. Kinh phí thực hiện chính sách

Trong giai đoạn 2016 - 2021, tổng số vốn đã bố trí thực hiện các chương trình, dự án, chính sách khu vực biên giới như sau:

- Vốn sự nghiệp đối với chương trình giao thông là 35.108,02 triệu đồng; thủy lợi là 5.328 triệu đồng; trường học là 1.795,85 triệu đồng; trạm y tế là 2.724 triệu đồng; chợ là 660 triệu đồng; điện sinh hoạt là 13.961,33 triệu đồng; quy hoạch dân cư là 4.100 triệu đồng; các chính sách khác là 318.312,68 triệu đồng (*chi tiết như biểu 10*).

- Vốn đầu tư đối với chương trình giao thông là 1.704.566,8 triệu đồng; thủy lợi là 231.957,63 triệu đồng; trường học là 205.699,77 triệu đồng; trạm y tế là 131.076,41 triệu đồng; chợ là 15.525,055 triệu đồng; thông tin là 58.982,931 triệu đồng; điện sinh hoạt là 109.957,24 triệu đồng; nước sinh hoạt là 43.399,001 triệu đồng; quy hoạch dân cư là 84.410,742 triệu đồng; các chính sách khác là 637.930,153 triệu đồng (*chi tiết như biểu 11*).

3. Đánh giá tác động của chính sách phát triển KT - XH đến việc bảo đảm quốc phòng - an ninh, vùng biên giới

- Đối với tác động đến phát triển kinh tế - xã hội: Từ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường, trạm, thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình phúc lợi công cộng khác. Sản xuất khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số có bước phát triển mới; an sinh xã hội được đảm bảo; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chăm lo; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, mức sống của đồng bào được nâng lên rõ rệt; ý thức của người dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước không ngừng được nâng lên, góp phần quan trọng vào chương trình xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Đối với tác động đến các vấn đề an ninh trật tự: Qua tổ chức triển khai thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo của nhà nước, chất lượng đời sống nhân dân, đặc biệt khu vực biên giới ngày càng được cải thiện, góp phần ổn định lòng dân, tạo điều kiện để nhân dân vùng biên giới phát triển sản xuất, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Đối với tác động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh khu vực biên giới: Xây dựng, củng cố tốt mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với nước láng giềng theo quan điểm đường lối đối ngoại của Đảng. Tổ chức tuyên truyền Luật biên giới, Quy chế biên giới, cửa khẩu; 3 văn kiện pháp lý về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới; tích cực đấu tranh, phản kháng với các hành động xâm canh, xâm cư và xây dựng trái phép của nước láng giềng; làm tốt công tác quản lý, theo dõi, xử lý có hiệu quả các hoạt động buôn lậu, vượt biên trái phép. Chủ động gặp gỡ trao đổi với chính quyền địa phương nước láng giềng giải quyết những vấn đề nảy sinh, do vậy trong thời gian qua tình hình biên giới luôn được ổn định; góp phần quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

- Đối với tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: Triển khai có hiệu quả chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2016 - 2021. Công tác chăm lo đời sống các đối tượng chính sách và giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm thực hiện và đạt kết quả khá tốt, củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tăng cường sự đồng thuận trong cộng đồng các dân tộc. Đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo duy trì khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và đối tượng khó khăn; tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc.

4. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

(1) Về sắp xếp ĐVHC theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Sau khi sắp xếp, khoảng 40% số xã, huyện chưa đạt 50% tiêu chí về quy mô dân số hoặc tiêu chí diện tích theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 còn cao, chưa phù hợp với trình độ phát triển, cũng như đặc thù của miền núi, vùng cao. Số lượng cán bộ, công chức dôi dư lớn gây khó khăn trong việc bố trí, sắp xếp, giải quyết dôi dư. Mặt khác, đồng thời với bố trí sắp xếp công chức dôi dư do sáp nhập ĐVHC, các ĐVHC cấp xã thực hiện quy định giảm biên chế và Nghị định về tổ chức công an chính quy ở xã nên càng tạo thêm áp lực trong thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo số lượng theo quy định (*tính đến thời điểm 31/5/2022, số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh còn dôi dư 226 người*). Việc giảm số lượng ĐVHC dẫn đến giảm mức đầu tư các chương trình, chính sách có cơ chế phân bổ theo đơn vị hành chính so với

giai đoạn trước trong khi các đơn vị hành chính sáp nhập của tỉnh đều gặp khó khăn do địa bàn, dân cư, cơ sở vật chất như nhà văn hóa, đường giao thông nông thôn, trạm y tế, trường học... hiện chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

(2) Chương trình bố trí ổn định dân cư

- Về tổ chức thực hiện dự án: Qua quá trình tổ chức đầu tư xây dựng các Dự án sắp xếp bố trí dân cư vùng biên giới, công tác lập các thủ tục triển khai dự án và thẩm định còn chậm, chưa quan tâm đến đầu tư sản xuất nông nghiệp và sản phẩm hàng hoá đầu ra của đồng bào.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất ở vùng sâu vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn. Chưa có giải pháp tích cực trong việc giải quyết tình trạng thiếu đất canh tác. Việc bố trí dân cư tại các khu tái định cư, định mức giao đất ở cho đồng bào còn hạn chế, chưa đủ điều kiện để đồng bào phát triển kinh tế chăn nuôi.

- Về cơ chế, chính sách: Các hộ di chuyển ra sinh sống tại biên giới đa số là hộ nghèo, gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng chỗ ở mới nên mức hỗ trợ để ổn định dân cư 50 triệu đồng/hộ (tại Quyết định số 570/QĐ-TTg) còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của việc di chuyển.

- Về nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn giao hàng năm được Trung ương cấp để thực hiện chương trình di dân ra biên giới còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu hỗ trợ di dời thực tế; trong khi nguồn ngân sách của tỉnh hết sức hạn hẹp.

- Việc bố trí các hộ dân ra sinh sống ở khu vực biên giới không hình thành được xóm biên giới do không đủ tiêu chuẩn hình thành xóm mới (về diện tích, số hộ...) gây khó khăn trong công tác quản lý.

(3) Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới

Kết quả xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới của tỉnh còn thấp hơn so với mặt bằng chung vùng Miền núi phía Bắc. Chất lượng đạt chuẩn và duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí còn hạn chế, chưa thực sự bền vững. Một số địa phương chủ yếu chú trọng thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm đúng mức đến các nội dung khác. Sự gắn kết giữa xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa chặt chẽ. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới về thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất đạt kết quả chưa cao; chất lượng và năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp còn yếu. Môi trường nông thôn đã được quan tâm nhưng các giải pháp về công tác bảo vệ, cải thiện môi trường còn nhiều hạn chế, chưa thiết thực, chưa đạt hiệu quả; chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nông sản đã có tiến bộ nhưng chuyển biến chưa thực sự rõ nét. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông lâm nghiệp chưa xứng với tiềm năng của tỉnh.

(4) Đối với công tác thủy lợi

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí để đầu tư hệ thống công trình thủy lợi còn rất hạn chế. Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phần lớn là công trình quy mô nhỏ, rải rác. Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương còn thấp, nhiều công trình đã

được đầu tư từ rất lâu xuống cấp trầm trọng đặc biệt là hệ thống hồ chứa, trạm bơm điện và kênh kết cấu đá xây gây mất an toàn công trình và thất thoát nước. Các công trình thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai ngày càng diễn biến cực đoan.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ thủy lợi chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng lên (nguồn hỗ trợ không thay đổi từ 10 năm nay, tuy nhiên giá nhân công, nguyên, nhiên vật liệu đã tăng lên rất nhiều).

(5) Về vốn đầu tư

Quy mô nền kinh tế của tỉnh nhỏ nên thiếu vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, do điều kiện tự nhiên - xã hội còn nhiều khó khăn, nên còn hạn chế trong việc huy động vốn đầu tư.

b) Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan

Công tác chỉ đạo, tuyên truyền vận động và cách làm của một số địa phương còn chưa quyết liệt, thiếu sự phối hợp đồng bộ và kịp thời giữa các cấp, các ngành, nên hiệu quả đạt chưa cao.

- Nguyên nhân khách quan:

Điều kiện tự nhiên không thuận lợi (độ dốc cao, địa hình chia cắt mạnh, khí hậu khắc nghiệt...) cho phát triển kinh tế - xã hội; nông lâm nghiệp vẫn là ngành sản xuất mang lại nguồn thu nhập chính cho người dân nhưng quỹ đất sản xuất eo hẹp, thiếu nguồn nước tưới; cơ sở hạ tầng thiếu thốn, xuất phát điểm kinh tế - xã hội ở mức thấp, dân trí còn nhiều hạn chế.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung các chính sách cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện, xã biên giới trên địa bàn tỉnh

- Đa số địa bàn các xã biên giới đều nằm trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng là địa bàn khó khăn, nằm cách xa Trung tâm huyện, tỉnh. Vì vậy, đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành xem xét sớm đề xuất nội dung xây dựng Luật về khu kinh tế khẳng định vị thế pháp lý trong công tác quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện. Góp phần thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và tạo công ăn, việc làm và thu nhập ổn định cho nhân dân vùng biên giới.

- Do tỉnh Cao Bằng còn là tỉnh nghèo, khó khăn trong việc huy động nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu. Vì vậy kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét bố trí thêm nguồn vốn ngân sách Trung ương cho đầu tư xây dựng các công trình, dự án trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh.

- Đề nghị Trung ương cho phép tỉnh Cao Bằng giữ nguyên tổ chức các ĐVHC cấp huyện, cấp xã như hiện nay vì Cao Bằng đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp ĐVHC trong giai đoạn 1; kiên quyết chỉ đạo việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có 02 tiêu chí dưới 50%.

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng cơ sở, đường giao thông nông thôn, hoàn thiện các thiết chế văn hoá, đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

- Đề nghị Quốc hội điều chỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC tỉnh, huyện, xã vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, do địa hình chủ yếu là núi cao, bị chia cắt, giao thông không thuận lợi, dân cư sống rải rác nên ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý dân cư và hành chính, nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành có cơ chế, chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, đặc biệt ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước. Bố trí kinh phí đầu tư để hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi chưa được đầu tư kiên cố và đã bị xuống cấp để nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất. Nâng mức hỗ trợ sản phẩm dịch vụ thủy lợi để đảm bảo hoạt động của các công trình thủy lợi. Bố trí nguồn kinh phí chống hạn hàng năm để đảm bảo chủ động ứng phó với tình hình thời tiết, biến đổi khí hậu như hiện nay.

2. Về công tác tổ chức, phối hợp thực hiện chính sách

Đề nghị các Bộ, ngành phối hợp chặt chẽ hơn nữa với địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển khu vực biên giới nói riêng; kịp thời xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh Cao Bằng về thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội⁵;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện biên giới;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các CV;
- Lưu: VT, KT (Kh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Thảo

⁵ Địa chỉ: Số 02 Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội.

PHỤ LỤC: Văn bản của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện, xã biên giới

- Kế hoạch số 3860 /KH- UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng⁶.

- Kế hoạch số 2720/KH-UBND ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng⁷.

- Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 15/01/2018 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Kế hoạch số 2056/KH-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống thông tin đối ngoại khu vực cửa khẩu quốc tế phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 3035/KH-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-TTg, ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin, truyền thông và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 17/2/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về thu hút các nguồn lực xã hội cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân.

- Kế hoạch số 1693/KH-UBND ngày 07/7/2021 về thực hiện dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” (thuộc CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

- Kế hoạch 3136/KH-UBND ngày 13/11/2021 về đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

⁶ Về thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020

⁷ Triển khai Đề án “Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo, giai đoạn 2017-2021” theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ

- Công văn số 797/UBND-TH ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền.

- Kế hoạch số 1216/KH-UBND ngày 19/5/2022 về việc triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

- Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Cao Bằng.